

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế	
			Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1.	44,818,551,672		186,992,744,340	526,943,891,023
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			-37,094,836,241		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44,818,551,672	-37,094,836,241	186,992,744,340	526,943,891,023
4	Giá vốn hàng bán	VI.2.	19,416,983,832	-30,711,658,523	78,756,112,240	175,952,771,408
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25,401,567,840	-6,383,177,718	108,236,632,100	350,991,119,615
6	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3.	152,284,260,505	372,623,512,521	152,920,323,856	378,684,284,240
7	Chi phí tài chính	VI.4.	3,035,259,326	68,853,000,979	126,098,412,566	91,840,623,881
	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-1,428,373,952	68,555,687,585	4,605,138,424	91,543,310,487
8	Chi phí bán hàng		0	4,167,285,685	0	4,167,285,685
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5.	5,796,846,110	7,260,377,342	10,928,008,179	24,723,126,287
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		168,853,722,909	285,959,670,798	124,130,535,211	608,944,368,002
11	Thu nhập khác	VI.6.	64,831,201	14,477,136,001	265,153,630	14,477,381,172
12	Chi phí khác	VI.7.	214,900,000	14,437,231,196	215,016,117	14,437,231,524
13	Lợi nhuận khác		-150,068,799	39,904,805	50,137,513	40,149,648
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		168,703,654,110	285,999,575,603	124,180,672,724	608,984,517,650
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.8.	5,822,444,984	62,634,643,073	21,215,307,672	124,063,163,240
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		162,881,209,126	223,364,932,530	102,965,365,052	484,921,354,410
18	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu					



Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng



Ngày 25 tháng 7 năm 2010